

BẢNG TỔNG KẾT GIỜ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
NĂM HỌC 2014 - 2015
KHOA CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Dương Minh Chung		200	40	24	264	500	0	500	0	236	0,0	73,8	_CNĐT cấp TP
2	Nguyễn Tam Cương			30	29	59	500	0	500	0	441	0,0	137,8	
3	Nguyễn Tiến Dũng			16	27	43	500	0	500	0	457	0,0	142,8	
4	Nguyễn Duy Hải		300	16	27	343	500	0	500	0	157	0,0	49,1	_CNĐT cấp TP
6	Trương Thị Phương Hồng		103	56	341	500	500	0	500	0	0	0,0	0,0	_SKKN năm học 2014-2015
5	Trần Thị Hương			16	505	521	500	0	500	21	0	6,6	0,0	
7	Vũ Quang Khải			0	37	37	500	0	500	0	463	0,0	144,7	
8	Trần Đình Khải			46	97	143	500	0	500	0	357,0	0,0	111,6	
9	Đỗ Thị Phương Khanh		103	56	226	385	500	0	500	0	115	0,0	35,9	_SKKN năm học 2014-2015

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Nguyễn Thành Long			16	24	40	500	0	500	0	460	0,0	143,8	
11	Nguyễn Chí Ngải			0	24	24	500	79,55	420,45	0	396,5	0,0	123,9	_Nghĩ hưu từ ngày 01/7/2015 giảm trên 7 tuần
12	Nguyễn Tiến Nhân		103	88	485	676	500	0	500	176	0	55,0	0,0	
13	Vũ Đức Pháp		300	16	3	319	500	0	500	0	181	0,0	56,6	_CNĐT cấp TP
14	Nguyễn Thanh Vĩnh Phúc			0	27	27	500	0	500,0	0	473,0	0,0	147,8	
15	Võ Thúy Phương			16	27	43	500	0	500	0	457	0,0	142,8	
16	Nguyễn Ngọc Quỳnh			16	24	40	500	0	500	0,0	460	0,0	143,8	
17	Phan Văn Thành			30	10	40	500	0	500	0	460	0,0	143,8	
18	Trần Minh Thông			32	96	128	500	0	500	0	372	0,0	116,3	
19	Phan Thị Xuân Trang			16	27	43	500	0	500	0	457	0,0	142,8	
20	Bùi Anh Tuấn			32	33	65	500	0	500	0	435	0,0	135,9	
21	Chung Trần Thế Vinh			62	73	135	500	0	500	0	365	0,0	114,1	
22	Nguyễn Thanh Vũ			16	27	43	500	0	500	0	457	0,0	142,8	

TT	Họ và tên	Tổng KL làm đề tài		Số giờ hoạt động KHCN		Tổng số giờ hoạt động Cả năm	Số giờ chuẩn	Được miễn giảm	Tiêu chuẩn còn lại	Tổng số giờ thừa	Tổng số giờ thiếu	Tổng số tiết thừa	Tổng số tiết thiếu	Ghi chú
		Số tiền	Quy đổi ra giờ	HK 1	HK 2									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
23	Lư Thị Yến Vũ			16	27	43	500	0	500	0	457	0,0	142,8	
	Tổng cộng		1.109	632	2.220	3.961	11.500	79,5	11.420	197	7.656,5	61,6	2.392,9	

Ngày.....tháng.....năm.....

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG QLKH-HTQT

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Ngọc Trang